

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TỪ CÁC CHIỀU CẠNH MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Hữu Minh

Hội Xã hội học Việt Nam

Email: minhnguyen.ifgs@gmail.com

Ngày nhận bài: 6/5/2024; ngày hoàn thành phản biện: 19/5/2024; ngày duyệt đăng: 24/6/2024

TÓM TẮT

Chất lượng cuộc sống là thước đo hạnh phúc và sự hài lòng với cuộc sống. Mối quan hệ gia đình được coi là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống cá nhân. Sử dụng thông tin tổng hợp từ các nghiên cứu, bài viết này phân tích khái niệm chất lượng cuộc sống cũng như sự gắn kết giữa chất lượng cuộc sống và các quan hệ gia đình, đồng thời nêu lên một số thách thức về chất lượng cuộc sống từ các chiều cạnh của mối quan hệ vợ chồng, cha mẹ - con cái vị thành niên và cha mẹ cao tuổi và con cháu ở các gia đình Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở phân tích, bài viết nêu ra một số điểm cần quan tâm nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống từ các chiều cạnh của mối quan hệ gia đình hiện nay.

Từ khóa: Chất lượng cuộc sống; Gia đình Việt Nam; Quan hệ gia đình.

MỞ ĐẦU

Chất lượng cuộc sống (CLCS) là thước đo hạnh phúc và sự hài lòng với cuộc sống. Mục tiêu của Đảng và Nhà nước Việt Nam là nâng cao CLCS của mọi người dân. CLCS gắn liền với nhiều chiều cạnh khác nhau trong đời sống cá nhân và gia đình, từ điều kiện vật chất đến đời sống tinh thần, cả về cấu trúc gia đình và các mối quan hệ gia đình. Trong mấy thập niên qua, đời sống cá nhân và gia đình của người dân Việt Nam đã có nhiều thay đổi theo xu hướng tích cực. Mức sống của người dân được tăng lên, sự quan tâm và chia sẻ giữa người vợ và người chồng nhiều hơn, vị thế của người phụ nữ trong gia đình được nâng cao. Cha mẹ có nhiều điều kiện chăm sóc con cái tốt hơn, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái dần trở nên dân chủ hơn. Nhiều bậc cha mẹ đã xếp mình ở vị trí là những người bạn đồng hành của con, phân tích cho con hiểu về cái đúng cái sai chứ không áp đặt con theo bản thân mình. Truyền thống kính trọng người già tiếp tục được phát huy, cha mẹ cao tuổi được coi như "cây cao, bóng cả", là

chỗ dựa tinh thần cho con cháu trong gia đình. Đồng thời, gia đình vẫn là thiết chế chính trong việc chăm sóc người cao tuổi [18; 13]. Tuy nhiên, cuộc sống của nhiều người đang còn gặp khó khăn, trong đó có các mối quan hệ gia đình, khiến CLCS của họ bị giảm sút. Vì vậy, việc phân tích các thách thức trong quan hệ gia đình mà người dân đang phải đối mặt là rất cần thiết. Trên cơ sở phân tích và tổng hợp các kết quả nghiên cứu đã có, bài viết sẽ trình bày rõ hơn về sự gắn kết giữa quan hệ gia đình và CLCS, nhận diện một số thách thức hiện nay trong mối quan hệ gia đình, tập trung vào mối quan hệ giữa vợ và chồng; giữa cha mẹ và con vị thành niên; giữa người cao tuổi trong gia đình và con cháu, từ đó gợi ra một số vấn đề cần quan tâm nhằm nâng cao CLCS của con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

1) QUAN HỆ GIA ĐÌNH: MỘT CHIỀU CẠNH QUAN TRỌNG ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CON NGƯỜI

CLCS được định nghĩa là thước đo hạnh phúc và sự hài lòng với cuộc sống. Khái niệm CLCS không chỉ bó hẹp ở các điều kiện sống vật chất mà mở rộng hơn nhiều. Trong cuộc Khảo sát CLCS châu Âu 2003 [2], có sáu lĩnh vực then chốt đã được chọn để đánh giá về CLCS, đó là: *việc làm; nguồn lực kinh tế; gia đình và hộ gia đình; đời sống cộng đồng và tham gia xã hội; sức khỏe và chăm sóc sức khỏe; kiến thức, giáo dục và đào tạo*. Một số trong sáu lĩnh vực này có những đặc điểm liên quan trực tiếp đến đời sống gia đình. Chẳng hạn như hoàn cảnh kinh tế (mức sống gia đình, điều kiện nhà ở, v.v.), việc làm và giáo dục, sức khỏe và chăm sóc sức khỏe. Khảo sát cũng nhấn mạnh đến tác động quan trọng của mối quan hệ gia đình, cụ thể là quan hệ hôn nhân và quan hệ liên thế hệ, đối với cảm nhận cá nhân về CLCS của họ.

Quan điểm nêu trên về CLCS cũng được chia sẻ bởi nhiều tác giả khác. Boehnke [5] cho rằng CLCS đề cập đến hạnh phúc cá nhân với cảm xúc rộng lớn và đa chiều. Nó không chỉ liên quan đến những vấn đề như thu nhập, giáo dục, tài sản vật chất mà còn những vấn đề khác như chăm sóc sức khỏe, các vấn đề gia đình và quan hệ xã hội. Mối quan hệ gia đình và xã hội giúp đỡ rất nhiều khi cá nhân gặp những điều không thuận lợi.

Tóm lại, CLCS là một phạm trù khá rộng, mỗi cá nhân sẽ tự lựa chọn cho mình một cách sống chủ quan để cảm thấy hạnh phúc nhất. Tuy nhiên CLCS lại chịu chi phối bởi cộng đồng, vào những người chịu trách nhiệm xã hội và vào môi trường sống xung quanh trong đó có mối quan hệ gia đình.

Gia đình là một thiết chế xã hội quan trọng trong việc bảo đảm cuộc sống và sự phát triển của các cá nhân. Một cách chung nhất, nội hàm của khái niệm gia đình bao gồm các yếu tố: là đơn vị xã hội hình thành trên cơ sở các quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng để thực hiện các chức năng sinh học, kinh tế, văn hoá, xã hội,

tín ngưỡng.. các thành viên quan hệ với nhau trên cơ sở những qui định rõ ràng về đạo lý, bổn phận, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với các việc cần làm, được phép, và bị cấm đoán; có mối liên hệ gắn bó với nhau về tình cảm, quyền lợi, trách nhiệm và có những ràng buộc mang tính pháp lý được Nhà nước thừa nhận, bảo vệ. Mối quan hệ giữa các thành viên gia đình thường được nhìn nhận với hai trục quan hệ chính là quan hệ hôn nhân (giữa vợ và chồng) và quan hệ liên thế hệ (quan hệ giữa cha mẹ với con cái vị thành niên, quan hệ giữa người cao tuổi với con đã xây dựng gia đình riêng và cháu).

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra ảnh hưởng của những chiều cạnh khác nhau trong quan hệ gia đình đến CLCS của người dân [2; 13]. Quan hệ vợ chồng tốt sẽ phát huy tốt nhất tiềm năng, thế mạnh của người vợ, người chồng, nâng cao CLCS cá nhân, thúc đẩy sự phát triển của cá nhân, gia đình, và xã hội. Chất lượng cuộc sống của người dân có thể bị đánh giá thấp nếu vợ chồng dành ít thời gian cho nhau, ít giao tiếp với nhau [6]. Nghiên cứu của Amato và cộng sự [1] cho thấy việc giảm những lo lắng về kinh tế sẽ làm gia tăng sự hài lòng hôn nhân, đồng thời làm giảm xung đột trong hôn nhân. Một số tác giả [8] chỉ ra rằng, bất bình đẳng trong quan hệ vợ chồng là yếu tố quan trọng làm giảm CLCS của mỗi người. Sự chia sẻ công việc nội trợ giữa vợ và chồng giúp cho mỗi người hài lòng hơn về hôn nhân. Định kiến giới về trách nhiệm chu cấp kinh tế và thực hiện công việc nội trợ của gia đình có ảnh hưởng đến sự hài lòng về hôn nhân của nam giới hơn là của phụ nữ. Những mối bận tâm về con cái cũng như việc chăm sóc bố mẹ già cũng tác động đến CLCS của con người. v.v.

2) MỘT SỐ THÁCH THỨC TRONG MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

a) Thách thức trong quan hệ giữa vợ và chồng

Các kết quả nghiên cứu cho thấy, cho đến nay, trong một số khía cạnh của cuộc sống gia đình mối quan hệ bất bình đẳng vẫn còn tồn tại. Người vợ vẫn là người đảm nhận chính các công việc nội trợ gia đình và chăm sóc trẻ em, người già, còn người chồng lo công việc kiếm thu nhập và đại diện gia đình giao tiếp với bên ngoài. Gánh nặng lao động “kép” đã ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của phụ nữ, cả về thể chất lẫn đời sống tinh thần, do đó làm giảm chất lượng mối quan hệ vợ - chồng và CLCS của họ. Trong các công việc quan trọng của gia đình người chồng vẫn có vai trò quyết định. Sự gia tăng tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng quyết định công việc gia đình đã tăng lên nhưng diễn ra chưa mạnh và chưa đồng đều ở các nhóm xã hội. Định kiến giới về vai trò phụ nữ trong gia đình và xã hội vẫn là một lực cản lớn đối với cơ hội phát triển và ảnh hưởng đến CLCS của phụ nữ [8; 10; v.v.].

Đời sống tình cảm giữa vợ và chồng cũng gặp nhiều thách thức trong quá trình phát triển. Công nghiệp hóa và quá trình di cư trong nước và quốc tế diễn ra mạnh mẽ

đã phần nào tạo ra sự xa cách trong cuộc sống tình cảm của các cặp vợ chồng. Trong mấy thập kỷ qua di cư lao động nội địa và quốc tế đã tăng lên nhanh chóng. Dân số di cư giữa các tỉnh là 3,4 triệu năm 2009 và 2,8 triệu năm 2019 [3]. Sự xa cách quá lâu, những ảnh hưởng của lối sống mới ở nơi đất khách quê người có những ảnh hưởng nhất định làm phai nhạt tình cảm giữa vợ và chồng.

Mâu thuẫn trong hôn nhân xuất hiện ở nhiều gia đình do những khác biệt giữa hai vợ chồng về suy nghĩ, lối sống, thói quen; chăm sóc giáo dục con cái và các vấn đề về kinh tế, đặc biệt trong khoảng thời gian từ 6 đến 15 năm sau khi kết hôn [8]. Đỉnh điểm của mâu thuẫn trong hôn nhân là các hành vi bạo lực giữa vợ và chồng, trong đó đáng lưu tâm là các hành vi bạo lực của chồng đối với vợ. Kết quả hai cuộc Điều tra Quốc gia về Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2010 và năm 2019 cho thấy, sau khoảng cách 10 năm khảo sát, mức độ bạo lực của chồng đối với vợ không hề giảm đi (Theo Điều tra năm 2019, có 27,8% phụ nữ tham gia khảo sát đã trải qua ít nhất một hành vi bạo lực về thể chất, tình dục, tinh thần và kiểm soát hành vi. Tỷ lệ này ở khảo sát năm 2010 là 27%). Tổn thất kinh tế liên quan đến các hành vi bạo lực của chồng đối với vợ có thể chiếm đến 1,78-1,81% GDP hàng năm. Bạo lực của chồng đối với vợ gây ra nhiều tổn hại về sức khỏe thể chất và tinh thần của phụ nữ, sự gắn kết gia đình và sự phát triển của trẻ em, dẫn đến làm giảm CLCS của mỗi thành viên [4].

Ly hôn có xu hướng tăng ở Việt Nam trong mấy thập niên qua [3]. Hậu quả lớn của các cuộc ly hôn chính là CLCS của những người trong cuộc bị giảm sút, tâm trạng, tình cảm, việc chăm sóc thành viên gia đình, đời sống kinh tế, và công việc thay đổi theo hướng tiêu cực, đồng thời con cái chịu sự phát triển thiếu toàn diện sau này. Trẻ em trong các gia đình có bố mẹ ly hôn có xu hướng gặp phải những vấn đề về tâm lý nhiều hơn và giảm tương tác với gia đình và bạn bè hoặc luôn sợ hãi, thiếu tập trung. Những xung đột liên quan đến việc chia tài sản hay trách nhiệm nuôi dưỡng con cái sau ly hôn tạo ra những căng thẳng đối với mỗi người trong cuộc, đồng thời gây ra nhiều hệ lụy trong sự phát triển của trẻ em [16].

b) Thách thức trong mối quan hệ cha mẹ - con cái vị thành niên

Một thách thức lớn hiện nay trong mối quan hệ này là nhiều bậc cha mẹ không có thời gian dành cho con, chưa tham gia hoạt động cùng với con cái nhằm tăng cường sự gắn kết giữa cha mẹ và con cái. Con cái trong các gia đình có mức sống thấp, học vấn cha mẹ hạn chế và cư trú ở khu vực nông thôn ít được cha mẹ quan tâm hơn. Đáng chú ý là tỷ lệ cha mẹ biết rõ bạn bè của con cái giảm đi rõ rệt khi so sánh kết quả Điều tra gia đình Việt Nam năm 2006 (71,8%) và năm 2017 (46,8%) [12].

Một trong những lý do cơ bản của việc cha mẹ dành ít thời gian cho con cái là do họ quá tập trung vào hoạt động kinh tế tạo thu nhập, đặc biệt là với nhóm gia đình có người cha và/hoặc mẹ đi di cư lao động. Tình trạng cha mẹ vắng nhà, ít tương tác trực tiếp với con cái, đã tạo ra khoảng trống của gia đình về chăm sóc và giáo dục trẻ

em trong bối cảnh xã hội công nghiệp hóa. Ở nhiều gia đình, việc chăm sóc và giáo dục trẻ em được giao cho ông bà hoặc người giúp việc. Trẻ em ở lại địa phương sau khi cha mẹ đi lao động gặp nhiều thiệt thòi về việc học tập hay đời sống tình cảm. Dường như các em có độ "mở lòng" thấp hơn, có tỷ lệ thấp hơn sẵn sàng giao lưu và chia sẻ chuyện vui, buồn với người khác. Xét về khía cạnh tâm lý - xã hội thì hiện tượng này có thể phản ánh sự thu mình ở nhóm trẻ đang chịu đựng cảm giác thiếu thốn tình cảm, sự thương yêu, chăm sóc, lo lắng, bảo vệ... từ bố, mẹ [15].

Việc nuôi dạy con cái có xu hướng được chuyển cho nhà trường, trẻ em ngày càng ít thời gian rồi do sức ép phải học thêm, điều đó càng làm cho thời gian giao tiếp giữa trẻ em với nhau và với bố mẹ giảm. Nói cách khác, các bậc cha mẹ đang từng bước nhường vai trò quan trọng hàng đầu của mình trong việc giáo dục, chia sẻ tình cảm hay định hướng giá trị cho con sang cho bạn bè của con cái và truyền thông. Tình trạng này dẫn đến những hệ lụy không nhỏ cho sự phát triển tính cách, nhận thức và cảm xúc về cuộc sống, về tương lai của trẻ. Trong bối cảnh của quá trình chuyển đổi số, cha mẹ cũng ít có khả năng giám sát con cái toàn thời gian và ngày càng ít có ảnh hưởng đến việc hình thành tính cách con cái. Bối cảnh chuyển đổi số cũng tạo ra những mối quan tâm mới của các thành viên gia đình, làm giảm sự tương tác giữa cha mẹ và con cái, có thể dẫn đến sự suy giảm CLCS của trẻ em.

Quan hệ của cha mẹ với con cái trong việc ra quyết định về cơ bản vẫn tuân thủ tôn ti trật tự truyền thống, cha mẹ là người quyết định mọi công việc có liên quan đến con cái. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu tôn trọng quyền của con cái hoặc có những hành vi đối xử vi phạm quyền tự do thân thể của các em [12]. Kiến thức giáo dục con của các bậc cha mẹ còn nhiều hạn chế, trong nhiều trường hợp không có sự thống nhất về cách thức giáo dục giữa cha và mẹ. Điều đó làm mối quan hệ giữa con cái và cha mẹ không phải lúc nào cũng hòa hợp.

Chuyển đổi số cũng thách thức nhiều giá trị văn hóa truyền thống do giảm tiếp xúc trực tiếp giữa cha mẹ và con cái và tăng ý tưởng mới từ mạng xã hội. Hiện nay, con cái học hỏi từ cha mẹ giảm, nhiều kiến thức con cái có được là do học hỏi trên mạng xã hội mà cha mẹ không biết hoặc không giống với lời dạy của cha mẹ, điều đó làm cho cha mẹ dần không còn uy tín tuyệt đối với con cái. Trong bối cảnh đó, xung đột giữa các thế hệ sẽ gia tăng nếu cha mẹ và con không tìm ra cách giao tiếp phù hợp. Trong điều kiện sự cố kết giữa các thành viên gia đình trở nên lỏng lẻo thì các thiết chế xã hội khác từng bước thay thế vai trò của gia đình trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ em. Đây là sự chuyển đổi vai trò vô cùng quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ em và mối quan hệ cha mẹ - con cái giai đoạn chuyển đổi số hiện nay. Bên cạnh những tác động tích cực, nó rất có thể sẽ để lại nhiều dấu ấn khuyết tật trong nhân cách của thế hệ tương lai.

Tình trạng trẻ em bị cha mẹ bạo lực vẫn khá cao. Theo Điều tra MICS 2020 - 2021, tỷ lệ trẻ em từ 1-14 tuổi phải chịu ít nhất một hình phạt tâm lý hoặc thể xác bởi cha mẹ/người chăm sóc chính trong vòng một tháng trước cuộc điều tra là 72,4%, tăng lên so với kết quả khảo sát năm 2014 [13]. Nguyên nhân gốc rễ của bạo lực gia đình đối với trẻ em là mối quan hệ thứ bậc tôn ti truyền thống của cha mẹ đối với con cái và định kiến văn hóa “thương cho roi cho vọt” ở nhiều gia đình. Đại bộ phận các cha mẹ vẫn cho rằng con cái phải luôn phục tùng sự chỉ bảo của người lớn tuổi trong gia đình. Chính điều này làm tăng hành vi bạo lực đối với trẻ em và thiếu tôn trọng quyền của con cái. Sự thiếu hụt kiến thức của các bậc cha mẹ về đặc điểm phát triển nhận thức, sự thay đổi tâm sinh lý của con cái trong giai đoạn vị thành niên và hạn chế về phương pháp giáo dục con một cách hiệu quả cũng là một nguyên nhân quan trọng làm tăng nguy cơ xung đột giữa cha mẹ và con cái và dẫn đến hành vi bạo lực của cha mẹ đối với con cái [11].

Xu hướng ly hôn tăng làm cho quan hệ gắn kết tình cảm cha mẹ và con cái sau ly hôn bị ảnh hưởng và gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của trẻ em. Mối quan hệ giữa cha và con cái thường gặp khó khăn hơn vì người mẹ thường được quyền nuôi con, người cha thường bị coi là người có lỗi trong tan vỡ gia đình và thường lập gia đình mới sau khi ly hôn. Trong nhiều trường hợp, người cha không thực hiện sự hỗ trợ về trách nhiệm cấp dưỡng cho con.

c) Thách thức trong quan hệ giữa cha mẹ cao tuổi và con cái đã xây dựng gia đình riêng

Việt Nam đang trải qua quá trình già hóa dân số nhanh chóng. Chỉ số già hóa năm 2024 là 60,2%, tăng 11,4 điểm phần trăm so với năm 2019 và 16,9 điểm phần trăm so với năm 2014. Cùng với điều đó, quy mô gia đình cũng giảm nhanh, từ 4,6 người/hộ năm 1999 xuống còn 3,6 người/hộ năm 2024 [14]. Tình trạng di cư tìm kiếm việc làm cũng như tỷ lệ ly hôn tăng khiến cho người cao tuổi càng cô đơn và thiếu nơi nương tựa. Xu hướng này ảnh hưởng không nhỏ tới CLCS của người cao tuổi khi mà gia đình vẫn đang là cơ sở quan trọng nhất chăm sóc người cao tuổi. Nhiều người cao tuổi phải sống một mình và tự chăm sóc cho bản thân, phải đối mặt với rất nhiều khó khăn về tài chính và bệnh tật [9]. Điều này làm tăng nguy cơ bị tổn thương và giảm CLCS của người cao tuổi.

Sự hỗ trợ của gia đình con cái đối với cha mẹ cũng có những hạn chế nhất định do cuộc sống của một số người con còn nhiều vất vả. Đối với nhiều gia đình, chi phí chữa bệnh và chăm sóc cho người cao tuổi là một gánh nặng kinh tế khó đảm đương. Ở một số gia đình, sự quan tâm của con cháu chủ yếu đối với người cao tuổi mới tập trung về chăm sóc vật chất mà thiếu chú ý đến đời sống tinh thần của người cao tuổi. Lý do chính là con cháu thiếu thời gian, không sẵn sàng lắng nghe và giữa hai bên thiếu sự quan tâm chung, điều này làm cho nhiều người cao tuổi buồn phiền. Tình

trạng người cao tuổi bị bạo lực gia đình vẫn còn xảy ra. Trong một khảo sát gần đây, có khoảng 5,7% người cao tuổi từng bị bạo lực trong 12 tháng trước cuộc khảo sát, với hình thức phổ biến nhất là hỗn láo, lăng mạ, sỉ nhục người cao tuổi. Hành vi bạo lực nghiêm trọng đối với người cao tuổi xảy ra nhiều hơn ở nhóm tuổi từ 80 trở lên và những người cao tuổi sống chung với con cháu [7]. Những mâu thuẫn gia đình nảy sinh và tích tụ trong quá trình chăm sóc người cao tuổi góp phần dẫn tới các hành vi bạo lực. Việc người cao tuổi phải sống phụ thuộc vào con cháu và định hướng giá trị cá nhân ở một bộ phận người trẻ tuổi, trong một chừng mực nhất định, đã làm tăng lên mâu thuẫn thế hệ trong mối quan hệ ông bà - cha mẹ - con cháu. Tất cả những hiện tượng đó góp phần làm giảm CLCS của người cao tuổi.

3) MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG MỐI QUAN HỆ GIA ĐÌNH

Một số phân tích nêu trên cho thấy CLCS của con người Việt Nam đang phải đối mặt với một số thách thức cơ bản trong các mối quan hệ gia đình. Việc giải quyết những thách thức đó có ý nghĩa rất quan trọng nhằm nâng cao CLCS các cá nhân. Dưới đây là một số vấn đề cần quan tâm.

1. Có các biện pháp nhằm tạo điều kiện để người vợ và chồng có cơ hội tham gia như nhau vào các hoạt động tạo thu nhập, có vai trò như nhau trong các quyết định gia đình. Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ thuận lợi, ví dụ như hệ thống nhà trẻ chăm sóc ban ngày, để phụ nữ thuận lợi hơn trong tham gia lao động xã hội. Quan tâm đến mối quan hệ tâm lý - tình cảm vợ chồng, đặc biệt trong bối cảnh di cư mạnh mẽ hiện nay. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và kỹ năng xây dựng cuộc sống hài hòa cho các cặp vợ chồng.
2. Có các biện pháp hỗ trợ, trang bị kiến thức, kỹ năng cho cha mẹ trong việc giáo dục, định hướng lối sống phù hợp cho trẻ vị thành niên cũng như trong ứng xử giữa các thế hệ trong gia đình nhằm giảm thiểu bất đồng giữa các thế hệ. Hỗ trợ các bậc cha, mẹ để họ có những phương pháp và nội dung giáo dục phù hợp với sự thay đổi những giá trị mới của gia đình trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Đặc biệt quan tâm đến việc hỗ trợ sắp xếp và tổ chức cuộc sống gia đình của người di cư lao động nhằm đảm bảo sự gắn kết giữa cha mẹ và con cái.
3. Phát huy hơn nữa vai trò của các thiết chế cộng đồng, gia đình và yếu tố thị trường đóng góp tích cực vào hệ thống chăm sóc người cao tuổi; qua đó, kết hợp sức mạnh của các giá trị gia đình truyền thống như lòng hiếu thảo của con cháu với sự trợ giúp của nhà nước, và các dịch vụ của thị trường. Thể chế hóa các quy định còn mang tính chất của những quy phạm đạo đức trong trách nhiệm/ nghĩa vụ chăm sóc người cao tuổi của con cái trong gia đình.

4. Mỗi gia đình phải là đơn vị giáo dục đầu tiên về vai trò của các thành viên, quyền của phụ nữ, trẻ em và người cao tuổi, các nguyên tắc ứng xử, các chuẩn mực gia đình. Nâng cao nhận thức về cuộc sống và nhu cầu của người cao tuổi có ý nghĩa quan trọng làm giảm xung đột giữa các thế hệ. Đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông nâng cao nhận thức đối với cán bộ cơ sở và người dân trong cộng đồng về phòng chống bạo lực gia đình, coi đó là trách nhiệm của mỗi cá nhân, của mỗi cộng đồng. Việc tuyên truyền cần tập trung vào nhóm các gia đình và cá nhân có nguy cơ cao về bạo lực gia đình, như các gia đình có những người lạm dụng rượu, bia, các gia đình nghèo, gia đình nông thôn miền núi, gia đình nhiều thế hệ sống chung, nam giới và trẻ em trai.
5. Xây dựng hoàn thiện hệ thống dịch vụ công tác xã hội, hỗ trợ tâm lý, tình cảm, pháp lý trong quá trình ly hôn và nhất là tư vấn phục hồi tâm lý và khả năng hòa nhập xã hội sau ly hôn cho các cá nhân có liên quan. Giám sát thực hiện quyền cấp dưỡng cho con sau ly hôn.
6. Phát triển hệ thống dịch vụ tư vấn về đời sống gia đình. Giáo dục trước hôn nhân nhằm cung cấp cho những người trưởng thành những kiến thức cần thiết về tình bạn, tình yêu, tình dục, sức khỏe sinh sản, quan hệ vợ chồng, đời sống gia đình, v.v. để họ tự tin bước vào cuộc sống hôn nhân, tránh xung đột, đổ vỡ do thiếu hiểu biết căn bản về đời sống hôn nhân và gia đình.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, gia đình Việt Nam đang gặp nhiều thách thức về các mối quan hệ gia đình. Bất bình đẳng giới trong quan hệ vợ chồng còn tồn tại, đời sống tình cảm của một bộ phận không nhỏ các cặp vợ chồng di cư gặp khó khăn, bạo lực của chồng đối với vợ vẫn còn nghiêm trọng. Chức năng chăm sóc và giáo dục trẻ em của gia đình đang có xu hướng chuyển dần sang cho các thiết chế nhà trường và truyền thông, mối quan hệ cha mẹ - con cái trở nên lỏng lẻo hơn. Quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu bị giảm gắn kết, sự chăm sóc của gia đình đối với người cao tuổi đang đối mặt nhiều trở ngại; v.v. Những thách thức này có tác động tiêu cực, làm giảm sút CLCS người dân.

Trong bối cảnh đó, việc tăng cường hơn nữa sự gắn kết các quan hệ gia đình thông qua các chính sách ở tầm vĩ mô và những biện pháp cụ thể là hết sức cần thiết. Một số đề xuất nêu trên liên quan đến việc cải thiện mối quan hệ giữa vợ và chồng và giữa cha mẹ và con cái cũng như quan hệ liên thế hệ giữa người cao tuổi và con cháu, cần hết sức được quan tâm trong quá trình phát huy vai trò của gia đình đối với việc nâng cao CLCS con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Amato, P. R., Booth, A., Johnson, D. R., Rogers, S. F., (2007). *Alone together: how marriage in America is changing*. Harvard University Press, the United State.
- [2]. Anderson R., Litske H. và Krieger H. (2004). *Quality of Life in Europe*. European Foundation for the Improvement of Living and Working Conditions. ISBN 92-897-0260-5.
- [3]. Ban chỉ đạo TĐTDS&NO Trung ương. (2019). *Kết quả TĐTDS và NO thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019*. NXB Thống kê, Hà Nội.
- [4]. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê, và UNFPA. (2020). *Báo cáo Kết quả Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019-Hành trình để thay đổi*. Hà Nội.
- [5]. Boehnke P. (2005). *First European Quality of Life survey: Life satisfaction, happiness and sense of belonging*. European Foundation for the Improvement of Living and Working Conditions, 2005.
- [6]. Bradbury Thomas N., Frank D. Fincham, Steven R. H. Beach. (2000). Research on the Nature and Determinants of Marital Satisfaction: A Decade in Review. *Journal of marriage and family*, 62 (4), 964-980
- [7]. Đặng Thị Hoa (chủ biên). (2020). *Bạo lực gia đình ở Việt Nam: Thực trạng và các yếu tố tác động*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Hữu Minh (Chủ biên). (2021). *Kết hôn và trải nghiệm hôn nhân ở Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9]. Nguyễn Hữu Minh và Lê Thuý Hằng. (2021). Vai trò của tổ chức xã hội trong thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với người cao tuổi ở Việt Nam. Trong sách do Detlef Briesen và Phạm Quang Minh chủ biên: *Báo cáo Quốc gia Việt Nam: Việt Nam với tư cách là một xã hội già hoá*. Số 1-2020. Trang 197-212 (tiếng Việt). NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [10]. Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Hồng (2019). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyền quyết định của vợ và chồng đối với các công việc quan trọng của gia đình: Những phát hiện mới từ Điều tra Gia đình 2017. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và giới*. số 1 (quyển 29). Năm 2019. trang 3-18.
- [11]. Nguyen Huu Minh, Tran Thi Hong, Tran Quy Long, Nguyen Ha Dong. (2021). Violent Child Discipline in the Family: Findings from Vietnam Multiple Indicator Cluster Surveys. *Child Indicators Research* (2021). Published 29 August. ISSN: 18748988 (web), 1874897X (print)
- [12]. Nguyễn Xuân Thắng. (2019). Xu hướng biến đổi của đặc điểm gia đình Việt nam trong quá trình hội nhập quốc tế. Đề tài khoa học cấp Bộ thuộc *Chương trình trọng điểm cấp Bộ "Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế"*.
- [13]. Tổng cục Thống kê và UNICEF. (2021). *Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và phụ nữ Việt Nam 2020-2021*. Báo cáo kết quả điều tra. Tổng cục Thống kê, Hà Nội, Việt Nam.
- [14]. Tổng cục Thống kê (2024). *Kết quả chủ yếu Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ, thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024*. NXB Thống kê, Hà Nội.
- [15]. Viện Khoa học Lao động và Xã hội (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội). (2022). *Tác động xã hội của di cư lao động đến người ở lại: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Thanh Hóa*. Hà Nội, 2022
- [16]. Vũ Mạnh Lợi và Trần Nguyệt Minh Thu. (2021). *Vấn đề ly hôn trong xã hội Việt Nam hiện đại* (Sách Chuyên Khảo). NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

IMPROVING THE QUALITY OF LIFE: SOME ISSUES OF CONCERN FROM THE ASPECTS OF FAMILY RELATIONSHIPS IN VIETNAM TODAY

Nguyen Huu Minh

Vietnamese Sociological Association

Email: minhnguyen.ifgs@gmail.com

ABSTRACT

Quality of life is a measure to reflect an individual's happiness and life satisfaction. Among the many factors influencing quality of life, family relationships play a pivotal role. Drawing on synthesized research findings, this article analyzes the concept of quality of life and its connection with family relationships. It examines key challenges within Vietnamese families, focusing on marital relationships, parent-adolescent interactions, and the bonds between elderly parents and their children. Based on this analysis, the article highlights some points for improvement to enhance quality of life across different dimensions of family relationships in contemporary Vietnam.

Keywords: Family relationship, quality of life, Vietnamese family.



Nguyễn Hữu Minh sinh ngày 11/9/1957 tại Quảng Bình. Ông tốt nghiệp cử nhân Toán Kinh tế tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1979, tốt nghiệp thạc sĩ Xã hội học năm 1995 và Tiến sĩ Xã hội học năm 1998 tại trường Đại học Tổng hợp Oa-Sinh-Ton (Seattle, Hoa Kỳ). Ông công tác tại Viện Xã hội học từ năm 1979 đến 2005 và tại Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) từ năm 2005 đến 2023.

Lĩnh vực nghiên cứu: Gia đình, Giới, Cơ cấu xã hội, Phương pháp nghiên cứu.